

Số: 471 /KH-UBND

Huế, ngày 17 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số
trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

Để triển khai thực hiện Quyết định số 2358/QĐ-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố Huế như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân số. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về dân số, đó là “Dân số là yếu tố quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc” để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số gắn với phát triển nhanh và bền vững đất nước. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về thực hiện công tác dân số. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức và cá nhân; bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời phát huy vai trò của truyền thông chính sách trong tổ chức thi hành pháp luật và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với công tác dân số.

2. Yêu cầu

- Chính xác, khoa học, kịp thời, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.
- Bảo đảm sự thống nhất, tính đồng bộ về nội dung, thông điệp truyền thông từ thành phố đến cấp xã.

- Phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, đạo đức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, phát huy giá trị gia đình, gắn kết cộng đồng, xóa bỏ định kiến giới.

- Truyền thông phải lấy người dân làm trung tâm, hướng tới thay đổi hành vi, phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng được truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

- Kết hợp giữa truyền thông truyền thống và hiện đại, đặc biệt là tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội; phù hợp với tình hình và thực trạng dân số trong từng thời kỳ.

II. NỘI DUNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

1. Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số

- Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng thông qua truyền thông, vận động, giáo dục:

+ Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

+ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số. Truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và các chương trình, đề án thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Truyền thông chính sách đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về dân số trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách, nâng cao chất lượng chính sách, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và hiệu quả thi hành pháp luật sau khi văn bản được ban hành.

2. Các nội dung truyền thông, vận động, giáo dục chung

2.1. Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân

- Tiếp tục thực hiện truyền thông vận động về việc mỗi cá nhân, cặp vợ chồng quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phù hợp với lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, thu nhập và nuôi dạy con của mỗi cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng. Đẩy mạnh tuyên truyền việc sinh đủ 02 con trước 35 tuổi; lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh ít con đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số.

- Tuyên truyền các quy định tại Điều 14 Luật Dân số năm 2025; Điều 2, Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 quy định về điều kiện, thủ tục hưởng chế độ nghỉ thai sản khi sinh con thứ hai; mức hỗ trợ tài chính và trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ tài chính khi sinh con.

- Truyền thông về hệ lụy khi mức sinh giảm thấp: Mức sinh thấp kéo dài sẽ tác động trực tiếp đến quy mô, cấu trúc, chức năng của gia đình và ảnh hưởng đến khả năng duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, phát triển nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội trong dài hạn; kéo theo nhiều hệ lụy như thiếu hụt lực lượng lao động, thu hẹp quy mô dân số, đẩy nhanh quá trình già hóa dân số và gia tăng các dòng di cư.

2.2. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số

- Truyền thông nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; đồng thời làm rõ lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số. Đề cao tính gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật về dân số, tích cực vận động, khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân chủ động thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Vai trò của Nhà nước là cung cấp đầy đủ thông tin khoa học, đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ về y tế, việc làm, an sinh xã hội và chăm sóc trẻ em, nhằm tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền sinh con một cách an toàn, chủ động và có trách nhiệm. Hướng dẫn người dân tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao khả năng nhận diện, phòng ngừa thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về công tác dân số trên không gian mạng.

2.3. Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh

- Tăng cường truyền thông, giáo dục về các quy định tại Điều 15 Luật Dân số năm 2025 về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; quy định xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lựa chọn giới tính thai nhi theo Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế; các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; nghiêm cấm thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi, trừ trường hợp quy định tại Thông tư số 11/2026/TT-BYT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục các bệnh được thông báo, tiết lộ giới tính thai nhi để phục vụ chẩn đoán và điều trị; thực trạng, nguyên nhân, hệ lụy của mất cân bằng giới tính khi sinh đối với sự phát triển bền vững của mỗi địa phương và đất nước.

- Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi về giới và bình đẳng giới, nâng cao vai trò, vị thế của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Nâng cao trách nhiệm của nam giới trong chăm sóc sức khỏe sinh sản và nuôi dạy con, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Khuyến khích, khen thưởng đưa nội dung không trọng nam hơn nữ, không lựa chọn giới tính khi sinh vào hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

2.4. Thích ứng với già hóa dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người cao tuổi tại cộng đồng, các biện pháp thích ứng với già hóa dân số, chủ động chuẩn bị cho tuổi già, phát triển đa dạng các hình thức chăm sóc người cao tuổi; hỗ trợ nâng cao năng lực tự chăm sóc và khả năng tham gia các hoạt động xã hội của người cao tuổi phù hợp mức độ tự chủ, nhu cầu của từng nhóm người cao tuổi. Khuyến khích người cao tuổi tiếp tục phát huy kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng, tham gia lao động phù hợp, hoạt động xã hội; xây dựng gia đình, cộng đồng và phát triển đất nước.

- Vận động xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, hạnh phúc, tạo điều kiện để người cao tuổi tiếp cận thuận lợi các dịch vụ y tế, chăm sóc xã hội, văn hóa, giáo dục, công nghệ số và giao thông phù hợp.

- Cung cấp kiến thức, hướng dẫn kỹ năng để người cao tuổi duy trì, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và chức năng xã hội. Tuyên truyền, vận động, giáo dục về các nội dung chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng theo hướng dẫn tại Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01/7/2026 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng. Truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống bạo lực, ngược đãi, lừa đảo và các hành vi xâm hại

người cao tuổi; chăm sóc sức khỏe tinh thần, chống cô đơn, cô lập xã hội đối với người cao tuổi.

2.5. Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh. Ứng dụng công nghệ số trong chăm sóc sức khỏe và nâng cao chất lượng dân số

- Truyền thông, vận động, giáo dục sâu rộng về lợi ích của việc tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, giúp nam, nữ thanh niên chủ động tầm soát các bệnh di truyền và truyền nhiễm nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khuyến khích mọi gia đình thực hiện sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh theo danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh của Bộ Y tế.

- Tiếp tục truyền thông, vận động, giáo dục các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, hệ lụy của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống nhằm xóa bỏ nạn tảo hôn và kết hôn cận huyết thống, nhất là tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời cảnh báo các hệ lụy nghiêm trọng của việc mang thai và sinh con ở tuổi chưa thành niên đối với sức khỏe của cả mẹ và bé. Ưu tiên cung cấp kiến thức toàn diện về sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho các nhóm đối tượng đặc thù như người chưa thành niên, thanh niên và công nhân tại các khu công nghiệp, góp phần dự phòng vô sinh, giảm mang thai ngoài ý muốn, giảm phá thai không an toàn và nâng cao chất lượng dân số.

2.6. Giáo dục dân số phù hợp trong từng cấp học

Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường; bảo đảm trang bị cho thế hệ trẻ hệ thống kiến thức và kỹ năng đúng đắn, phù hợp. Đồng thời, lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên ngay từ trong nhà trường.

III. ĐỐI TƯỢNG TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC

1. Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

Đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số là cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân có quyền được tiếp nhận thông tin, giáo dục, truyền thông về dân số và tham gia truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

2. Các nhóm đối tượng ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về dân số

- Người chưa thành niên;

- Người trong độ tuổi sinh sản;
- Người cao tuổi;
- Người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm;
- Người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc thiểu số rất ít người;
- Người sử dụng lao động.

IV. HÌNH THỨC TRUYỀN THÔNG, VẬN ĐỘNG, GIÁO DỤC VỀ DÂN SỐ

Các hình thức truyền thông, vận động, giáo dục về dân số bao gồm: Trực tiếp; gián tiếp và chiến dịch, sự kiện, triển lãm, cuộc thi về dân số (cuộc thi tìm hiểu, cuộc thi trên nền tảng số...) và hình thức khác (các mô hình truyền thông, giáo dục trong và ngoài nhà trường...). Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong truyền thông dân số; khuyến khích truyền thông trên nền tảng số, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo và các phương thức truyền thông hiện đại đa phương tiện nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận người dân.

Xây dựng, sản xuất và cung cấp định kỳ các tài liệu và sản phẩm truyền thông về dân số và phát triển, bao gồm: tờ rơi, sách mỏng, tranh lật, pa nô, áp phích, bản tin chuyên đề, phóng sự, ký sự, phim ngắn, video clip, đồ họa, thông điệp truyền hình, thông điệp phát thanh, phát thanh số (podcast), nội dung truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội và các sản phẩm phù hợp khác. Ưu tiên phát triển các sản phẩm phục vụ các sự kiện về dân số trong năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn thành phố và định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế theo quy định.

- Xây dựng, sản xuất và cung cấp định kỳ hằng năm các sản phẩm truyền thông về dân số; trong đó chú trọng sản xuất các sản phẩm truyền thông phục vụ các sự kiện về dân số trong năm, bảo đảm phù hợp với từng nhóm đối tượng, vùng miền; Đặc biệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, nền tảng số, mạng xã hội và các phương thức truyền thông hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả tiếp cận thông tin của người dân; Đồng thời hướng dẫn các địa phương tổ chức sử dụng hiệu quả các nội dung trên theo văn bản hướng dẫn của Trung ương (nếu có).

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, nhất là các cơ quan báo chí chủ lực của thành phố tuyên truyền, phổ biến các nội dung truyền thông dân số.

- Lồng ghép tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số, y tế và cộng tác viên dân số các cấp; nâng cao năng lực truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

- Hướng dẫn các địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Y tế thành phố Huế tổ chức, triển khai, thực hiện truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu công tác dân số trong tình hình mới; Lồng ghép nội dung truyền thông dân số với các chương trình, dự án, phong trào và các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và giới tính trong nhà trường phù hợp từng cấp học, từng lứa tuổi cho học sinh, sinh viên, nhất là trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, bảo đảm hình thành kiến thức và kỹ năng đúng đắn có hệ thống cho thế hệ trẻ. Đồng thời, lồng ghép phổ biến các quy định pháp luật về dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, trẻ em và các lĩnh vực có liên quan phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo, góp phần hình thành ý thức tôn trọng, chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên ngay từ trong nhà trường.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, giáo dục về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên phù hợp với điều kiện thực tế; phối hợp với gia đình trong công tác tuyên truyền, giáo dục học sinh.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Y tế thành phố Huế trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để đẩy mạnh tuyên truyền thường xuyên, liên tục các nội dung về Dân số và phát triển hàng năm trên nền tảng số Hue-S và các nền tảng số do Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị trực thuộc Sở quản lý, vận hành.

4. Sở Văn hoá và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; lồng ghép nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trong các hoạt động văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn thành phố Huế.

5. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Huế bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; bảo đảm lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế

Phối hợp với Sở Y tế thành phố Huế tăng cường thông tin, tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nội dung trọng tâm về công tác dân số; xây dựng, phát sóng, đăng tải các tin, bài, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự và sản phẩm truyền thông về dân số trên các loại hình báo chí và nền tảng số của đơn vị.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Huế và các tổ chức thành viên của Mặt trận:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, tham gia triển khai việc thực hiện Kế hoạch này.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể và tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương. Lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan trên địa bàn, bảo đảm đồng bộ, kịp thời, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp quy định tại Kế hoạch này.

- Bố trí kinh phí phù hợp với điều kiện của địa phương trong dự toán ngân sách hằng năm đã được phân cấp theo quy định.

- Chỉ đạo Trạm Y tế, các ban, ngành, đoàn thể phối hợp triển khai các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số tại địa phương;

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật Dân số và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Dân số thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, cổng thông tin điện tử, mạng xã hội của địa phương và các hình thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

- Lồng ghép nội dung truyền thông, vận động, giáo dục về dân số vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, phong trào xây dựng đời sống văn hóa, hoạt động của tổ dân phố, thôn và các cuộc vận động tại cộng đồng.

- Theo dõi, giám sát hoạt động, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động, giáo dục về dân số và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo khả năng cân đối ngân sách hằng năm; lồng ghép trong kinh phí thực hiện các chương trình, đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan; định kỳ **trước ngày 15 tháng 11 hằng năm** báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế thành phố Huế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế (Cục Dân số) theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện hướng dẫn truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trên địa bàn Thành phố Huế. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban ngành, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Huế (thông qua Sở Y tế) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Cục Dân số;
- CT và các PCT UBND thành phố Huế;
- VP: CVP và các PCVP UBND thành phố Huế;
- Các đơn vị có tên tại mục V;
- Lưu: VT, DL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thuỳ Giang